

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM (VFMVFB)

- QUỸ VFMVFB -

---o0o---

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
CHƯƠNG I	10
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	10
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	10
Điều 2. Mục đích của Quỹ	10
Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ	10
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức	10
Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ chào bán.....	10
Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ	10
Điều 7. Công ty quản lý quỹ	11
Điều 8. Ngân hàng giám sát	11
CHƯƠNG II	11
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	11
Điều 9. Mục tiêu đầu tư	11
Điều 10. Chiến lược đầu tư	11
Điều 11. Hạn chế đầu tư	12
Điều 12. Hạn mức vay	13
Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư	13
CHƯƠNG III	13
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	13
Điều 14. Nhà đầu tư	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	14
Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư.....	14
Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ	15
Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ.....	17
Điều 19. Giá phát hành, giá mua lại	18
Điều 20. Thừa kế chứng chỉ quỹ	18
CHƯƠNG IV	18
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	18
Điều 21. Đại hội nhà đầu tư.....	18
Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường	19
Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư	19
Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư	19
Điều 25. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư	20
Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư.....	20
CHƯƠNG V	21
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
Điều 27. Ban đại diện Quỹ.....	21
Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ.....	21
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	22

Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	23
Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ.....	23
Điều 32. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ.....	23
Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ	23
CHƯƠNG VI.....	24
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	24
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ	24
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	24
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ	27
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ.....	27
CHƯƠNG VII.....	28
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	28
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát	28
Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát	29
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát	30
CHƯƠNG VIII.....	31
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	31
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền	31
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	31
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	31
Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	32
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	33
CHƯƠNG IX.....	33
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	33
Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở.....	33
Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối	33
Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	34
CHƯƠNG X.....	34
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	34
Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	34
Điều 51. Năm tài chính	35
Điều 52. Chế độ kế toán.....	35
Điều 53. Báo cáo tài chính	35
Điều 54. Báo cáo khác	35
CHƯƠNG XI.....	35
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ	35
Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	35
Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	36
Điều 57. Quy trình định giá tài sản quỹ	39
Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ.....	40
Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	40
CHƯƠNG XII.....	40

THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 60. Thu nhập của quỹ	40
Điều 61. Phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG XIII.....	41
PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	41
Điều 62. Các loại phí do nhà đầu tư trả	41
Điều 63. Các loại phí do Quỹ trả	42
Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ	44
CHƯƠNG XIV	44
TÁI CƠ CẤU QUỸ.....	44
Điều 65. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập	44
Điều 66. Các điều kiện tách quỹ.....	44
Điều 67. Các điều kiện giải thể Quỹ	44
CHƯƠNG XV	45
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	45
Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ	45
CHƯƠNG XVI	45
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 69. Công bố thông tin.....	45
Điều 70. Thay đổi điều lệ.....	45
Điều 71. Đăng ký điều lệ	45
Điều 72. Điều khoản thi hành	46
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	47
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	48
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	49

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012.
- Nghị định 85/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ ;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ VFMVFB) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập theo Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
“Quỹ trái phiếu”	Là quỹ mở đầu tư vào các loại trái phiếu, giấy tờ có giá với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ VFMVFB. Công ty quản lý quỹ được nhà đầu tư ủy thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ này.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0301103908 ngày 13/01/1992 cấp bởi Sở Kế hoạch đầu tư TP. HCM, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Ngân hàng giám sát và lưu ký”	Nghĩa là Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Deutsche Bank) là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 20/NH-GP ban hành bởi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK ban hành bởi Ủy Ban Chứng Khoán, ngày 16 tháng 10 năm 2000, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
“Công ty kiểm toán”	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VFMVFB, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVFB và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Điều lệ quỹ VFMVFB”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ quỹ được Đại hội thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung

	thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ VFMVFB.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ VFMVFB. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VFMVFB.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ VFMVFB, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết”	Là số đơn vị quỹ tham gia biểu quyết tại kỳ biểu quyết.
“Chứng chỉ Quỹ VFMVFB”	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là loại chứng khoán do Công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ VFMVFB phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ VFMVFB theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Chứng chỉ quỹ lẻ”	Là chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản có số lượng nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản. Chứng chỉ quỹ này phát sinh từ trường hợp lệnh Bán/chuyển đổi chỉ được thực hiện mua lại một phần theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này. Giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
“Giá phát hành”	Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, cộng với phí phát hành đã quy định tại Điều lệ này.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi phí mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ này.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
“Phí phát hành lần đầu”	Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá, được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
“Phí phát hành các lần tiếp”	Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ

theo”	tại những kỳ giao dịch tiếp theo. Phí này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
“Phí mua lại”	Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Phí này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch được quy định tại Điều lệ này.
“Ngày đóng Quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ VFMVFB theo quy định của pháp luật hiện hành, được áp dụng cho đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ VFMVFB sẽ được tính từ ngày Quỹ VFMVFB được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ VFMVFB sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ VFMVFB tại thời điểm định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVFB. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm nhận lệnh cuối cùng. Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ được thực hiện định kỳ 02 lần một tháng, vào ngày thứ Sáu thứ hai và thứ Sáu thứ tư hàng tháng (tức ngày T).
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh được công bố tại Bản cáo bạch hoặc theo thông báo của công ty quản lý quỹ.
“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ;

<p>“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”</p>	<p>Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính; - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho nhà đầu tư. - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ;
<p>Đại lý phân phối</p>	<p>Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở.</p>
<p>Đại lý ký danh</p>	<p>Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sổ phụ.</p>
<p>“Người có liên quan”</p>	<p>Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006.</p>
<p>“Các định nghĩa khác”</p>	<p>Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán, Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ và các văn bản khác có liên quan.</p>

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đại chúng:	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)
Tên tiếng Anh:	Vietnam Bond Fund.
Tên viết tắt:	Quỹ VFMVFB
Địa chỉ liên hệ:	Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	+84 -83825 1488
Fax:	+84- 83825 1489
Website:	www.vinafund.com

Điều 2. Mục đích của Quỹ

Quỹ VFMVFB được quản lý bởi Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM) với mục đích đem lại sản phẩm đầu tư vào trái phiếu và các chứng khoán nợ phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam, Bản cáo bạch và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVFB.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ VFMVFB được tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ VFMVFB là quỹ công chúng dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, và hệ thống luật pháp hiện hành và các quy định trong bản Điều lệ này.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ VFMVFB có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VFMVFB là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ VFMVFB sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ VFMVFB, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
5. Công ty quản lý quỹ VFM do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ VFMVFB do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Việt Nam Đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ VFMVFB mở tại ngân hàng giám sát.
2. Vốn tối thiểu dự kiến huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ VFMVFB là năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành năm (05) triệu đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ VFMVFB chỉ định Công ty quản lý quỹ VFM làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ VFMVFB.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ VFM được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ VFMVFB ra công chúng.

Điều 7. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ VFM là một Công ty Cổ phần với cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty quản lý quỹ VFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ VFMVFB. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

Công ty quản lý quỹ VFM có trụ sở chính tại:

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84-8)-3825 1488 Fax: (84-8)-3825 1489

Website: www.vinafund.com

Và chi nhánh tại:

Tầng 9, Phòng 903, Tòa nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3942 8168 Fax: (84-4) 3942 8169

Điều 8. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Deutsche Bank AG – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 20/NH-GP ban hành bởi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK ban hành bởi Ủy Ban Chứng Khoán, ngày 16 tháng 10 năm 2000, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán quỹ, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Văn phòng chính: Tầng 14, Sài Gòn Center, 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 (8) 6299 9000, Fax: 84 (8) 3824 4602

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư cho quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và công ty quản lý quỹ VFM phát triển.

1. Danh mục đầu tư của Quỹ

Quỹ VFMVFB sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính; Tỷ trọng các loại trái phiếu, giấy tờ có giá chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên;
- d) Trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Trường hợp đầu tư vào trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
 - Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g) Các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu;
- h) Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản;

2. Lĩnh vực đầu tư

Lĩnh vực đầu tư của quỹ VFMVFB tập trung vào các loại trái phiếu hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam như sau:

- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cơ cấu theo kỳ hạn của danh mục trái phiếu được duy trì nhằm đảm bảo thời gian đáo hạn bình quân của danh mục không vượt quá 8 năm;

Điều 11. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của quỹ VFMVFB phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 10 Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFB phải đảm bảo:
 - a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu chính phủ);
 - b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 1 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau (trừ trái phiếu chính phủ), trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Điều lệ này;
 - d) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ này;
 - e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dự nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - f) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - g) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - h) Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi và các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán phái sinh). Tỷ trọng của các loại chứng khoán này không vượt quá 30% giá trị tài sản ròng của danh mục, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Điều lệ này;

3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e,f,g Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ VFMVFB được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.
 - d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
 - e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 10 Điều lệ này phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 12. Hạn mức vay

1. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Điều lệ này.
2. Công ty quản lý quỹ VFM không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ VFMVFB, ngoại trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ VFMVFB để ký quỹ thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ VFMVFB được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện quy trình nghiên cứu, đánh giá, thẩm định đầu tư và áp dụng chiến lược đầu tư năng động trong việc quản lý Quỹ VFMVFB.

Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư. Các mô hình kỹ thuật thống kê sẽ được áp dụng nhằm hỗ trợ công ty Quản lý Quỹ đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý trong thời gian nhanh nhất.

Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 14. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ VFMVFB có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu chứng chỉ quỹ VFMVFB. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ chứng chỉ Quỹ VFMVFB mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư là pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử này được thực hiện bằng văn bản và gửi đến Công ty quản lý quỹ VFM thông qua đại lý phân phối, trừ

trường hợp người đại diện chính là người đại diện theo pháp luật. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư pháp nhân ký.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:
 - a) Được chia lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư dựa trên cơ sở quy định tại Điều 61 của Điều lệ này.
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số đơn vị Quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
 - c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt quỹ mua lại chứng chỉ quỹ hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ (nếu có).
 - d) Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
 - e) Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện Quỹ VFMVFB khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.
 - f) Quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 23 của Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
 - a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
 - b) Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVFB như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.
 - c) Chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp (nếu có).

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư từ khi Quỹ VFMVFB hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ VFMVFB có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các nội dung sau:

 - a) Tên Quỹ VFMVFB;
 - b) Số Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của quỹ;
 - c) Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - d) Thông tin nhà đầu tư:
 - i. Đối với cá nhân: Họ và tên nhà đầu tư, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - ii. Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;
 - e) Số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
 - f) Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ, ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ (vào Sổ chính);
 - g) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
3. Công ty quản lý quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

4. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và công ty quản lý quỹ.

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ. Lần giao dịch chứng chỉ quỹ đầu tiên được tổ chức không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.
2. Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB là hai (02) lần trong một (01) tháng, vào Ngày thứ Sáu thứ hai và thứ Sáu thứ tư của tháng. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền sau đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
3. Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu của Quỹ
 - Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.
 - Giá trị đăng ký giao dịch mua chứng chỉ quỹ tối thiểu cho lần phát hành đầu tiên của Quỹ là hai mươi triệu (20.000.000) đồng.
 - Nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam.
 - Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua}}{\text{Giá phát hành}}$$

- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
 - Phương thức đăng ký mua chứng chỉ quỹ; cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn giá trị mua tối thiểu; trường hợp mà tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu; được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
 - Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ vượt quá số vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu, nhà đầu tư sẽ được phân phối đầy đủ số lượng chứng chỉ quỹ theo như số tiền đã đăng ký và thực góp;
 - Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng hoặc thấp hơn giá trị vốn tối thiểu dự kiến huy động, hoặc có ít hơn một trăm (100) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ hủy đợt phát hành và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng hai mươi bốn (24) giờ làm việc sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc chào bán, Công ty quản lý quỹ phải hoàn trả mọi khoản tiền đã đóng góp cho nhà đầu tư, bao gồm cả lãi suất (nếu có). Công ty quản lý quỹ chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn..
 - Quỹ VFMVFB sẽ không niêm yết giao dịch chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Nhà đầu tư có thể giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo tại Đại lý phân phối chỉ định sau khi Quỹ VFMVFB được cấp giấy chứng nhận thành lập quỹ.
- a. Giao dịch chứng chỉ quỹ tại các lần giao dịch tiếp theo Lệnh mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư
- Giá trị mua tối thiểu cho các lần mua chứng chỉ quỹ tiếp theo là hai mươi triệu (20.000.000) đồng.
 - Nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ.
 - Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn giá trị mua tối thiểu; trường hợp mà tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi

trong Lệnh mua, và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu; hoặc các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Phí phát hành}(\%))}{\text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

- Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư.
- Quy trình nhận và thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

b. Lệnh bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư

- Số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch phải lớn hơn hoặc bằng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một ngàn (1000) chứng chỉ quỹ.
- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký bán toàn bộ số chứng chỉ quỹ còn lại cùng lúc tại kỳ giao dịch này.
- Trong trường hợp số chứng chỉ quỹ trong tài khoản thấp hơn một ngàn (1.000) chứng chỉ quỹ thì nhà đầu tư thực hiện lệnh bán cho Quỹ toàn bộ chứng chỉ quỹ đó tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ. Giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ sẽ được thực hiện định kỳ 6 (sáu) tháng một lần, các đại lý phân phối sẽ thông báo đến nhà đầu tư thời gian cụ thể cho việc thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ.
- Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.
- Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện mua lại một phần theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này, phần lệnh chưa được thực hiện lớn hơn, bằng, hoặc thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản (là 1000 chứng chỉ quỹ), phần lệnh chưa thực hiện được sẽ tự động bị hủy. Nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình sẽ tiến hành đăng ký giao dịch tại kỳ giao dịch kế tiếp.
- Cách thức giải quyết đối với các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
- Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Phí mua lại}(\%))$$

- Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư.
- Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh.
- Nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán theo quy định của pháp luật. Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

c. Lệnh chuyển đổi

- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi quỹ khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên.
- Nhà đầu tư có quyền đăng ký chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần số lượng chứng chỉ quỹ đang sở hữu sang một loại chứng chỉ quỹ khác do công ty quản lý quỹ VFM phát hành.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi không được thấp hơn một ngàn (1000) chứng chỉ quỹ.
- Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở, quy trình nhận và thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

- Trong trường hợp số lượng đăng ký chuyển đổi dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản (là 1000 chứng chỉ quỹ), thì nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký chuyển đổi toàn bộ số chứng chỉ quỹ còn lại cùng lúc tại kỳ giao dịch này sang quỹ mục tiêu.
- Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi, mà không phải thanh toán phí mua lại và phí phát hành trên số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.
- Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

4. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ quỹ VFMVFB cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Nhà đầu tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
- Nhà đầu tư không phải thanh toán phí chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý Quỹ.
- Nhà đầu tư /người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

- Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
- Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
- Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFB bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Đối với việc mua lại phần còn lại của lệnh bán, lệnh chuyển đổi đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:

- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của nhà đầu tư theo quy định tại Điều này. Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại từ nhà đầu tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{SLTT}{\sum SLDKi}$$

Trong đó:

Xi: số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

SLDKi: số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đăng ký bán

SLTT: tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của nhà đầu tư

$\sum SLDKi$: tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán.

- Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
 - Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.
3. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.
4. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 3 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
5. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.
6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
7. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

Điều 19. Giá phát hành, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ trong đợt chào bán lần đầu, bằng mệnh giá của một đơn vị quỹ cộng với phí phát hành lần đầu.
2. Giá phát hành các lần tiếp theo là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo. Giá phát hành một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với phí phát hành các lần tiếp theo.
3. Giá mua lại là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi phí mua lại.
4. Phí phát hành, phí mua lại được quy định tại chương XIII của Điều lệ này.

Điều 20. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho công ty quản lý quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ VFMVFB. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Công ty quản lý quỹ triệu tập và tổ chức trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ mở lần đầu tiên.
- Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư hàng năm và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

- Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:
 - Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
 - Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
- Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các nhà đầu tư liên quan.

Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư có các quyền hạn sau:

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ;
- Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- Thay đổi chi phí trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;
- Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát;
- Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể quỹ;
- Quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.
- Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất, tách quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
- Các quyền khác theo quy định tại Điều 85 Luật chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

- Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.
- Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành. Hình thức tham dự Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
- Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
- Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

Điều 25. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 30% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;
 - b. Đối với các nội dung quy định tại khoản 6 Điều này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 40% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;
4. Trường hợp cuộc họp đại hội nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này và số nhà đầu tư tham dự đại hội đại diện cho dưới năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết. Đối với các nội dung quy định tại khoản 6 Điều này, và số nhà đầu tư tham dự đại hội đại diện cho dưới năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết chấp thuận.
6. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - (a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - (b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
7. Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
8. Trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ.
9. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư về việc thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của công ty quản lý quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ,

đại lý ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp đại hội nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán phí mua lại, phí chuyển đổi.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban đại diện Quỹ

- Ban đại diện Quỹ VFMVFB do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư.
- Ban đại diện Quỹ VFMVFB có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.
- Trong ban đại diện quỹ phải có:
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán;
- Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.
- Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Ban đại diện quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ. Tuy nhiên, đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền cử người đại diện mình tham dự tại cuộc họp, nhưng người đại diện này không có quyền biểu quyết.
- Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
- Công ty quản lý quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và Ngân hàng giám sát.

Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải hội đủ các điều kiện sau:

- Là nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là pháp nhân, sở hữu ít nhất ba phần trăm (3%) vốn điều lệ hoặc những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
- Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ;
4. Giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
6. Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
7. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
8. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
9. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 1 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;
10. Có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
11. Kiến nghị việc thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát;
12. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật; Trong trường hợp quyết định do ban đại diện quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;
13. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ (không bao gồm chức danh Chủ tịch Ban đại diện Quỹ);
14. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;
15. Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - a. Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ nhà đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - b. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho nhà đầu tư vay tiền;
 - c. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
16. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
17. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
18. Trên hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường.
19. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.

20. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
21. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.
22. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền.
23. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 20 Điều này, Ban đại diện, thông qua công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của ban đại diện quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối của Quỹ.

Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 32. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
 - a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
 - a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;
 - b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - c) Bị cách chức thành viên Ban đại diện quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong chín (09) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
 - e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
 - f) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này

Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà không có quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
6. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
7. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.
8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:
 - a. Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.
 - b. Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của quỹ, thay mặt cho quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
 - c. Khi quản lý tài sản của quỹ, công ty quản lý quỹ phải:
 - i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát;
Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với ngân hàng nhận tiền gửi;
Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho quỹ; công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - ii. Tách biệt tài sản của quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở

- hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- iii. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của quỹ.
 - iv. Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ;
 - v. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.
- d. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.
- e. Trong hoạt động quản trị quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- i. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, điều lệ quỹ;
 - ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư.
- f. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động công ty quản lý quỹ và các quy định tại Điều lệ quỹ.
- g. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng giám sát để ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát.
- h. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ thì công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho quỹ.
- i. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và điều lệ quỹ.
- j. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp
- k. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho quỹ, nhà đầu tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- l. Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản này.
- m. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng

theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.

- n. Trường hợp quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- o. Việc sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, công ty quản lý quỹ phải được đại hội nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- p. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ; và
 - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ.
- q. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- r. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
 - i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
- t. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- a) Lựa chọn ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kỳ ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;
- f) Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với đại lý phân phối chứng chỉ quỹ.
- g) Được hưởng các khoản phí được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- i) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- j) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ, và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - Tự nguyện chấm dứt hoạt động;
 - Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ.
- Chi phí bồi thường khi thay đổi công ty quản lý quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi công ty quản lý quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
2.0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.0%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho công ty quản lý quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho công ty quản lý quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho công ty quản lý quỹ khoản phí nêu trên.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan của ngân hàng giám sát của quỹ, . Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- Trừ trường hợp tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý theo đúng quy định pháp luật, công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.
- Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ.
- Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do công ty quản lý quỹ quản lý;

- c) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - d) Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;
Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật
 - e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
5. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - b) Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng Giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;

- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của công ty quản lý, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và những tài sản của ngân hàng giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- m) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do công ty quản lý quỹ lập hoặc do Tổ chức được công ty quản lý quỹ ủy quyền thực hiện;
- n) Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
- o) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
- p) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:
 - a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này.
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bảo gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

- d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e) Công ty quản lý quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của công ty quản lý quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của công ty quản lý quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó;
 - f) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này;
2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
 4. Ngân hàng giám sát có quyền kiểm tra công ty quản lý quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của quỹ, để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật.
 5. Ngân hàng giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của công ty quản lý quỹ, quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu bằng văn bản.
 6. Trường hợp công ty quản lý quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại điều lệ quỹ.
 7. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư của quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền đối với các dịch vụ dưới đây:

1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức được công ty Quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

a. Đối với dịch vụ quản trị

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

b. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ;
4. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công ty quản lý quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;
10. Tối thiểu một năm một lần, công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
 - a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;
 - b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ;
 - c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình ;
 - b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
 - d. Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
 - e. Quỹ bị giải thể;
 - f. Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - g. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - h. Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức nhận ủy quyền có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

Chương IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:
 - a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
 - b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư;
 - c) Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
 - d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;
 - e) Hỗ trợ công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;

- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.

5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.

7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của công ty quản lý quỹ.

Chương X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ theo quy định tại khoản 20 Điều 29 Điều lệ này, Ban đại diện Quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- (ii) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- (iii) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
- (iv) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

Điều 51. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 54. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XI

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.
2. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc do Tổ chức được công ty quản lý quỹ ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
5. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
6. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhà đầu tư sau khi có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định mỗi tuần. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần. Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngày sau đó.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ VFMVFB sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước ngày định giá.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế
6.	Trái phiếu không niêm yết	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau :+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận; + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế
7.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	- Giá bình quân của 3 công ty chứng khoán được chấp nhận - Hoặc trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội	- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc

		<ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận; hoặc + Giá trị sổ sách.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận; -
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
15.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại khoản 3 Điều này.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được quy định của pháp luật cho phép.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
 - Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VBMA...) để tham khảo. Công ty Quản lý quỹ sẽ lựa chọn và đề xuất danh sách các tổ chức cung cấp hệ thống báo giá trái phiếu để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và phê duyệt. Trường hợp Sở giao dịch chứng khoán ban hành công khai các chỉ số Trái phiếu Việt Nam, Quỹ VFMVFB sẽ ưu tiên sử dụng chỉ số đó để làm căn cứ định giá.
 - Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được làm tròn đến hàng đơn vị.

3. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- a. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- b. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ² điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ³
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ⁴ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

² Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

³ Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

⁴ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Điều 57. Quy trình định giá tài sản quỹ

1. Trước ngày định giá:

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm :

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ sẽ được ghi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;
- Các nghiệp vụ phát hành thêm/ mua lại chứng chỉ Quỹ phát sinh sau ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của kỳ trước;
- Hàng ngày đối chiếu số dư tại ngân hàng lưu ký giám sát.

2. Tại ngày định giá:

- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng tính đến ngày trước ngày định giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng (nếu có), chi phí quản trị quỹ (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước ngày định giá;
- Đối chiếu số dư tiền mặt tại ngân hàng lưu ký giám sát;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở GDCK Hà Nội, Hồ Chí Minh, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước ngày định giá;
- Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ theo như điều 56 Điều lệ này.

3. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc sau ngày định giá

- Công ty quản lý quỹ công bố giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính tại ngày định giá.

4. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc sau ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng tính toán kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư căn cứ vào:

- Giá trị đặt lệnh mua do Nhà đầu tư đặt lệnh mua;
- Số lượng chứng chỉ quỹ do Nhà đầu tư đặt lệnh bán;
- Giá trị tài sản ròng áp dụng cho đợt giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Các nguyên tắc xác định kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ (phương pháp xác định giá phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ, các trường hợp bất khả kháng...).

5. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc sau ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư .

Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ

Quý, nhà đầu tư được đền bù thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên.

1. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
 - b. Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của công ty quản lý quỹ;
2. Trong trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
 - b. Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của công ty quản lý quỹ;

Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quý. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
3. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

Chương XII

THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quý.

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

Quý đầu tư VFMVFB luôn hướng tới việc phân phối tối đa lợi nhuận cho nhà đầu tư. Vì vậy, cổ tức Quý đầu tư VFMVFB được quy định cụ thể như sau:

1. Cổ tức Quý có thể được phân phối cho nhà đầu tư mỗi năm 1 (một) lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quý và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.
2. Nguồn để phân phối cổ tức Quý phải thỏa ba điều kiện sau :
 - Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
 - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.
 - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

3. Công ty quản lý quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư.
5. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
6. Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
 - b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
 - d. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e. Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của quỹ.

Chương XIII

PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 62. Các loại phí do nhà đầu tư trả

1. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ

a. Phí phát hành lần đầu

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá, được thu khi phát hành lần đầu và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá của một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
- Nhà đầu tư chỉ phải trả một lần phí phát hành chứng chỉ quỹ khi phát hành lần đầu.
- Phí phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 1%/mệnh giá/đơn vị quỹ (100 đồng/đơn vị quỹ).

Trong trường hợp công ty quản lý quỹ có chính sách khuyến mại dẫn đến sự thay đổi phí phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và được nêu chi tiết tại Bảng thông báo phát hành sau khi Quỹ VFMVFB được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

b. Phí phát hành các lần tiếp theo

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị Quỹ tại những kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ VFMVFB được thành lập. Phí này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
- Phí phát hành cho lần giao dịch tiếp theo là 1% trên tổng giá trị đăng ký mua.

Trong trường hợp công ty quản lý quỹ có chính sách khuyến mại dẫn đến sự thay đổi phí phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và được nêu chi tiết tại Bảng thông báo phát hành được niêm yết tại công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối.

2. Phí mua lại

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ VFMVFB được thành lập. Phí này được trừ đi từ giá trị giao dịch và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- Phí mua lại chứng chỉ quỹ tại những kỳ giao dịch tiếp theo được áp dụng như sau:

- o Phí mua lại là 2% trên giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ trong vòng 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày mua.
- o Phí mua lại là 1% trên giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ trên 12 tháng (365 ngày) đến 24 tháng (730 ngày) kể từ ngày mua.
- o Phí mua lại là 0,5% trên giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ trên 24 tháng (730 ngày) kể từ ngày mua.

Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước” (FIFO).

3. Phí chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý

- Nhà đầu tư phải trả phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ khi nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ VFMVFB được thành lập.
- Nhà đầu tư không phải trả Phí phát hành và Phí mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
- Phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ là 0,3%/giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.

Điều 63. Các loại phí do Quỹ trả

1. Phí quản lý quỹ

- Phí quản lý là 0,9% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVFB/năm tài chính. Phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVFB. Tỷ lệ phí quản lý 0,9% sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn công ty quản lý quỹ VFM cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ VFMVFB.

- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,9% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí quản lý được xác định như sau:

Phí quản lý trong tháng = [Tỷ lệ 0,9% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ 0,9% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2. Phí lưu ký và giám sát

- Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí giám sát là 0,04% NAV/năm. Tối thiểu là 16,8 triệu đồng mỗi tháng.

Phí lưu ký là 0,03% NAV/năm. Tối thiểu là 10,5 triệu đồng mỗi tháng. Mức phí này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 210.000 đồng/giao dịch.

Tổng phí giám sát, lưu ký không vượt quá 0,15% NAV/ năm.

Mức phí trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....

Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí giám sát, lưu ký được xác định như sau:

Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ VFMVFB trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% NAV/năm và được chi trả hàng tháng. Tối thiểu là 10,5 triệu đồng mỗi tháng.

- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:

Phí dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

4. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức phí do Quỹ VFMVFB chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này

Gồm 2 nhóm phí như sau:

4.1 Nhóm phí tính trên NAV:

- Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng năm là 0,04% NAV/ năm được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng và được trả hàng tháng. Tối thiểu là 10,5 triệu đồng mỗi tháng.
- Công thức tính phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định như sau:

Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong tháng = [Tỷ lệ % phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

4.2 Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:

- Phí duy trì tài khoản nhà đầu tư thường niên là 6.000 đồng/ nhà đầu tư
- Dịch vụ quản lý tài sản như cổ tức, cổ phiếu thưởng, chia tách chứng chỉ quỹ là 52,5 triệu đồng/lần thực hiện và 42.000 đồng trên một thông báo nhà đầu tư.

- Báo cáo cổ đông lớn là 2,1 triệu đồng / báo cáo
 - Các chi phí khác phục vụ cho nghiệp vụ đại lý chuyển nhượng.
- Các chi phí này sẽ được tổng hợp và trả hàng tháng.
 - Mức phí và phương pháp thanh toán phí được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ

Là các chi phí sau thuế do Quỹ VFMVFB chi trả, bao gồm:

1. Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty quản lý quỹ;
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký;
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
9. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
10. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
12. Chi về bảo hiểm (nếu có);
13. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
14. Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
15. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
16. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 65. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Điều 66. Các điều kiện tách quỹ

1. Việc tách quỹ phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b. Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Điều 67. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;

- (iii) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (iv) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
 - (v) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
 - (vi) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:
 - (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - (ii) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 69. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, bán niên, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 70. Thay đổi điều lệ

Điều lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 71. Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều lệ này bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục đã được Nhà đầu tư thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

- 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- 02 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.

- 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Điều 72. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Làm tại Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 2 năm 2013

CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM



TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc

**PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM

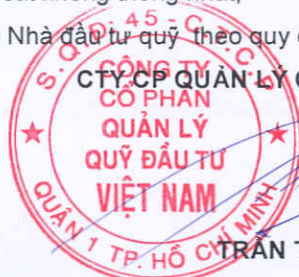
Điện thoại: (08)-3825 1488

Fax: (08)-3825 1489

Website: www.vinafund.com

Công ty quản lý quỹ VFM cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ VFMVFB:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - (d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất;
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật;



TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc

**PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
NGÂN HÀNG DEUTSCHE BANK AG – CHI NHÁNH TPHCM**

Số Giấy phép thành lập: 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28/06/1995.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 09/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2000.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuýt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm;

Đại diện Ngân hàng giám sát

ĐINH THỊ THANH THẢO
Giám đốc Nghiệp Vụ



ĐẶNG VŨ HOÀI DIỆU
Trưởng Ban Dịch Vụ
Quản lý Tài Sản

**PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

NGÂN HÀNG DEUTSCHE BANK AG – CHI NHÁNH TP HCM

Số Giấy phép thành lập: 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28/06/1995.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 09/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2000.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/ vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện Công ty quản lý quỹ

Đại diện Ngân hàng giám sát



TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc



ĐINH THỊ THANH THẢO

Giám đốc Nghiệp vụ

ĐẶNG VŨ HOÀI DIỆU

Trưởng Ban Dịch vụ

Quản lý Tài Sản